



guó huà

国画

Noun · traditional Chinese painting

Example Sentences

guó huà shì zhōng guó chuán tǒng yì shù
国画是中国传统艺术。

Traditional Chinese painting is Chinese traditional art.

tā zhèng zài xué xí guó huà huà dé fēi cháng hǎo
他正在学习国画，画得非常 好。

He is learning traditional Chinese painting and paints very well.

Trace each character, then write the word on your own.

国	国	国	国	国	国	国	国	国	国	国
画	画	画	画	画	画	画	画	画	画	画